TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH AN** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 31/2018/QĐST-HNGĐ	*Thạch An, ngày 12 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 16/2018/HNGĐ-ST ngày 06/6/2018 về việc "xin ly hôn", giữa nguyên đơn là chị Nông Thị N (trú tại: xóm N xã L huyện T tỉnh Cao Bằng) với bị đơn là anh Phùng T (trú tại: xóm N xã L huyện T tỉnh Cao Bằng, hiện đang chấp hành án tại Đội 56 phân trại số 3 thuộc Trại giam P huyện L tỉnh Thái Nguyên);

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015;

- Căn cứ Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Toà án;

- Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04/10/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị N và anh Phùng T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nông Thị N và anh Phùng T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai đều nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng sau khi ly hôn: chị Nông Thị N và anh Phùng T xác nhận có 01 con chung tên là Phùng H – sinh ngày 02/01/2012,

hiện cháu H đang ở với chị N. Sau khi ly hôn chị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Phùng H – sinh ngày 02/01/2012 cho đến tuổi trưởng thành và chị N không yêu cầu anh T phải đóng góp nuôi con chung.

Khi xét thấy cần thiết, các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Án phí sơ thẩm: Chị Nông Thị N và anh Phùng T phải chịu mỗi người 75.000đ (bảy mươi năm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, nhưng chị Nông Thị N tự nguyện nộp toàn bộ 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Nông Thị N đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nay chị được trả lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số AB/2012/02053 ngày 06/06/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch An.

"Trong trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Đương sự;
- UBND xã Lê Lai;
- Lưu hồ sơ VA.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Nông Thanh Điệp